

Bản án số 399/2022/HS-PT  
Ngày 20 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Văn Tiền, ông Nguyễn Tấn Trường

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** ông Phạm Tấn Hoàng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**  
ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk vụ án hình sự thụ lý số 361/2022/TLPT-HS ngày 24/8/2022 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2217/2022/QĐXXPT-HS ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

**Bị cáo:**

1. **Mai Nữ Hoàng A**; sinh ngày 23 tháng 9 năm 1988; tại tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: Thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 12/12; cha là Mai Sỹ H, sinh năm 1962 và mẹ là Trần Thị L, sinh năm 1964, bị cáo có chồng là Lê A T cùng là bị cáo trong vụ án; có 04 con (trong đó có 03 con chung với Lê A T), con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê A T**; sinh năm 1985; tại tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi cư trú: Thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 9/12; cha là Lê Văn T, sinh năm 1949 và mẹ là Đậu Thị Thu H, sinh năm 1958, bị cáo có vợ là Mai Nữ Hoàng A cùng là bị cáo trong vụ án; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**Người bào chữa cho bị cáo Mai Nữ Hoàng A:** Luật sư Nguyễn Thị Thanh B, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo Lê A T:** Luật sư Nguyễn Đình H - Văn phòng Luật sư X, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt lúc đầu giờ sáng tại hội trường TAND tỉnh Đắk Lắk, nhưng nêu lý do bận phiên tòa khác nên xin vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xem xét Bản luận cứ Luật sư đã bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm.

Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Ông Phạm Chí T1, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT: Thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1971; nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Ông Trương Hữu H, sinh năm 1996; nơi cư trú: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/7/2019, vợ chồng Mai Nữ Hoàng A, Lê A T vay ông Trương Quang M 1.200.000.000 đồng và làm thủ tục sang tên cho ông M căn nhà tại địa chỉ thôn 1, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 094694 đứng tên Vũ Xuân Đ (đã chỉnh lý sang tên Lê A T) để bảo đảm khoản vay, đồng thời hai bên thỏa thuận khi vợ chồng Mai Nữ Hoàng A, Lê A T có tiền trả thì ông M sẽ làm thủ tục sang tên nhà lại. Tháng 10/2019, ông Nguyễn Phi H sinh năm 1971 có nhu cầu mua nhà cho con trai là Nguyễn Hoàng Phi L, biết giao dịch giữa vợ chồng Mai Nữ Hoàng A với ông M về việc mua bán căn nhà như trên (ông Trương Quang M đã được chỉnh lý đứng tên nhà) nên ông H gặp và thỏa thuận với Mai Nữ Hoàng A là ông H sẽ mua lại căn nhà với giá 1.600.000 đồng, ông H sẽ đưa trước cho Mai Nữ Hoàng A 1.400.000.000 đồng để Mai Nữ Hoàng A trả lại tiền cho ông M, để ông M sẽ làm thủ tục sang tên căn nhà cho Nguyễn Hoàng Phi L (con trai ông H). Ngày 31/10/2019 vợ chồng Mai Nữ Hoàng A, Lê A T ký “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất”, “Biên bản bàn giao nhà, đất” với ông H. Ngày 01/11/2019, ông H đưa trước cho vợ chồng Mai Nữ Hoàng A số tiền 1.400.000.000 đồng như thỏa thuận để trả cho ông M, do thời điểm này anh Nguyễn Hoàng Phi L đang ở thành phố Hồ Chí Minh nên các bên thỏa thuận để ông M tạm thời làm thủ tục chuyển nhượng sang căn nhà cho Lê A T, chờ anh L về Lê A T sẽ sang tên căn nhà lại cho anh L.

Ngày 19/12/2019, anh L về thành phố B nên vợ chồng Mai Nữ Hoàng A lập “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” cho anh L tại Văn phòng Công chứng Đắk Lắk, thì ông H đưa 200.000.000 đồng còn lại cho Mai Nữ Hoàng A. Khi ông H đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để nộp hồ sơ làm thủ tục sang tên thì được biết Tòa án nhân dân thành phố B có Quyết định về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngăn chặn việc chuyển nhượng căn nhà do bà Lê Thị Ngọc U (sinh năm 1976, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) khởi kiện vợ chồng Mai Nữ Hoàng A vay tiền không trả. Sau đó, ông H thỏa thuận với bà U và nộp 337.000.000 đồng vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B để bà U rút đơn khởi kiện. Sau đó, bà U rút đơn khởi kiện nên ngày 17/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố B ra Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Mặc dù đã ký Hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Hoàng Phi L nhưng do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên ngày 13/11/2019 Mai Nữ Hoàng A đã dùng điện thoại di động chụp hình các trang *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* và lên mạng tìm người làm giả giấy tờ. Thông qua mạng xã hội Zalo, Hoàng A liên lạc với người tên “Mr T2” (không xác định được nhân thân lai lịch), gửi hình ảnh *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* và đặt làm giả 02 *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đứng tên Lê A T với giá 12.000.000đồng thì được T2 đồng ý. Sau khi làm xong 02 *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* giả thì T2 gửi shipper giao trực tiếp cho Mai Nữ Hoàng A, Hoàng A đã trả 12.000.000đồng cho T2 qua shipper. Ngày 15/11/2019 Mai Nữ Hoàng A rủ Lê A T đến nhà bà Nguyễn Thị T để bán căn nhà tại thôn 1, xã C, thành phố B cho bà T với giá 1.000.000.000 đồng, bà T đồng ý mua. Tại nhà bà T, Hoàng A đưa bà T xem *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số phát hành CP 094694 giả để làm tin rồi cùng Lê A T ký tên vào Hợp đồng đặt cọc mua bán, sau khi ký Hợp đồng thì bà T đưa Hoàng A 280.000.000đồng. Từ ngày 16 đến 19/11/2019 một mình Mai Nữ Hoàng A liên hệ với bà T và nhận thêm 370.000.000đồng, tổng cộng Hoàng A đã nhận của bà T tiền bán nhà 650.000.000đồng. Sau nhiều lần hứa hẹn sang tên nhà cho bà T, nhưng không thực hiện được thì bà T yêu cầu trả lại tiền nên Mai Nữ Hoàng A và Lê A T đã trả lại bà T 20.000.000đồng, còn lại 630.000.000 đồng không trả nên bà T tố cáo.

Vào tháng 6/2019 Mai Nữ Hoàng A, Lê A T mua xe ô tô nhãn Hiệu Mazda 3, biển kiểm soát 47A-28264 của Công ty TNHH ô tô T, mới thanh toán 220.000.000đồng, rồi thế chấp Giấy đăng ký xe ô tô vay Ngân hàng Quốc Tế Việt Nam 500.000.000đồng. Tháng 7/2019 Hoàng A, A T thỏa thuận bán xe cho anh Phạm Chí T1 giá 600.000.000đồng và nói đang thế chấp xe tại Ngân hàng, nếu anh T1 mua thì trừ 150.000.000 đồng trước đó Hoàng A đã vay anh T1. Ngày 31/7/2019 T viết “*Giấy bán xe*” cho anh T1 với giá 450.000.000đồng. Ngày 4/9/2019 tại Ngân hàng VIB anh T1 đưa cho Mai Nữ Hoàng A 440.000.000đồng để Hoàng A vào Ngân hàng làm thủ tục trả tiền lấy Giấy đăng ký xe ra và sang tên cho anh T1. Tuy nhiên, Mai Nữ Hoàng A không trả nợ Ngân hàng mà nộp số tiền trên vào tài khoản của Lê A T mở tại Ngân hàng VIB và nói dối anh T1 là đã nộp tiền nhưng chưa làm xong thủ tục. Từ ngày 04 đến 07/9/2019 Lê A T cùng Mai Nữ Hoàng anh sử dụng hết số tiền trên. Khi anh T1 biết sự việc, Hoàng A hứa hẹn sẽ trả tiền lãi suất hàng tháng cho Ngân hàng, và giao xe cho anh T1 đi, khi nào lấy giấy đăng ký xe ra sẽ trả tiền cho anh T1. Tuy nhiên vợ chồng Hoàng A, A T chỉ trả tiền Ngân hàng đến tháng 12/2019 nên Ngân hàng VIB buộc vợ chồng Hoàng A phải trả nợ hoặc giao xe ô tô bán để thu hồi nợ nhưng vợ chồng Hoàng A, A T không thực hiện. Sau đó anh T1 tự nguyện giao xe cho Ngân hàng VIB xử lý thu hồi nợ, Ngân hàng xử lý xe, nhưng không còn dư để giao anh T1. Đến khoảng đầu năm 2020 vợ chồng Hoàng A, A T đã trả anh T1 1.000.000 đồng; như vậy thông qua hình thức lừa bán xe vợ chồng Hoàng A, A T đã chiếm đoạt của anh T1 340.000.000đồng. Cũng trong thời gian này vào ngày 29/11/2019, Mai Nữ Hoàng A rủ Lê A T đến gặp anh Phạm Chí T1 lừa bán căn nhà tại thôn 1, xã Cư bur, thành phố B với giá 1.100.000.000 đồng và anh T1 đồng ý mua. Hoàng A, A T đã cho anh T1 xem *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* đã làm giả trước đó để làm tin và viết “*Giấy bán nhà*”. Hai bên thống nhất trừ số tiền 600.000.000 đồng tiền anh T1 mua xe ô tô Mazda 3, biển số 47A-28264 và 350.000.000đồng tiền Hoàng A đã

vay trước đó nên anh T1 chỉ đưa vợ chồng Hoàng A, A T 150.000.000đồng. Ngày 06/12/2019 khi anh T1 cùng Hoàng A đến Văn phòng công chứng Đ làm Hợp đồng chuyển nhượng thì bị phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 094694 là giả. Như vậy thông qua việc chuyển nhượng đất vợ chồng Mai Nữ Hoàng A, Lê A T đã chiếm đoạt của anh T1 số tiền 150.000.000 đồng.

Như vậy, Mai Nữ Hoàng A chiếm đoạt của bà Thuý 650.000.000 đồng (đã trả lại 20.000.000đồng, còn lại 630.000.000đồng), chiếm đoạt của anh T1 490.000.000đồng (tiền bán nhà 150.000.000đồng và tiền bán xe 340.000.000đồng), tổng cộng Mai Nữ Hoàng A chiếm đoạt 1.120.000.000 đồng. Lê A T tham gia giúp sức cùng Mai Nữ Hoàng A chiếm đoạt tổng cộng 750.000.000đồng (gồm chiếm đoạt của bà Thuý 260.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh T1 490.000.000đồng). Quá trình điều tra, vợ chồng Mai Nữ Hoàng A và Lê A T tự nguyện khắc phục trả bà Thuý 465.000.000đồng.

Kiểm tra điện thoại thu giữ của Mai Nữ Hoàng A xác định: Tại mục “A” trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S của Mai Nữ Hoàng A có 04 lile hình ảnh chụp 04 trang của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 094694 vào ngày 01/11/2019.

Tại Kết luận giám định số 637, 638/PC09 ngày 14/7/2020, số 313/PC09 ngày 19/3/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 094694 mà thu giữ của Mai Nữ Hoàng A là giả.

Tại Kết luận giám định số 638/PC09 ngày 14/7/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: + Chữ viết, chữ ký mang tên Mai Nữ Hoàng A, Lê A T trong “Hợp đồng đặt cọc”, “Giấy mua bán”, “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất”, “Biên bản bàn giao nhà đất” do bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Chí T1, ông Nguyễn Phi H giao nộp so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Nữ Hoàng A, Lê A T trong mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Số chi tiết tài khoản số 424704060040261 của Lê A T thể hiện nội dung: Ngày 04/9/2019, Mai Nữ Hoàng A nộp số tiền 440.000.000 đồng (tiền mua xe ô tô của anh Phạm Chí T1) vào tài khoản của Lê A T. Từ ngày 04-07/9/2019, T rút tiền trong tài khoản của mình đưa Mai Nữ Hoàng A sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23 84/KL-LIĐĐGTS 11 /8/2021 của đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk xác định Giá trị tài sản (nhà và đất theo giấy CNQSD đất số CP 094694) của vợ chồng Mai Nữ Hoàng A vào thời điểm tháng 11/2019 là 893.000.000 đồng và thời điểm tháng 7/2021 là 922.000.000đồng.

**- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 05/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:**

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Nữ Hoàng A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Lê A T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Sử dụng con dấu, tài liệu, giả của cơ quan, tổ chức”

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); **Xử phạt:** Bị cáo Mai Nữ Hoàng A 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con

dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); **Xử phạt:** Bị cáo Lê A T 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/10/2021.

Ngoài ra, còn có quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí.

#### Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 08/7/2022, bị cáo Mai Nữ Hoàng A kháng cáo cho rằng mức hình phạt 18 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo đối với 2 tội là quá nặng vì sau khi phạm tội bị cáo đã rất ăn năn hối cải, nên chủ động khắc phục hậu quả cho người bị hại, vợ chồng bị cáo có 3 con còn nhỏ và chồng bị cáo cũng bị xử phạt trong vụ án nên đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 09/7/2022, bị cáo Lê A T kháng cáo cho rằng mức hình phạt 16 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo đối với 2 tội là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 08/7/2022, bị hại Nguyễn Thị T kháng cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 2 bị cáo là quá nặng, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo.

#### Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Mai Nữ Hoàng A và bị cáo Lê A T giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt với các bị cáo, mức hình phạt xử phạt 2 bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của 2 bị cáo nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Mai Nữ Hoàng A và Lê A T thừa nhận hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định, cụ thể: Vì động cơ vụ lợi, trong thời gian từ ngày tháng 7/2019 đến cuối tháng 12/2019 Mai Nữ Hoàng A thông qua mạng xã hội Zalo thuê làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi cùng chồng là Lê A T sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này lừa bán nhà cho bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Chí T1 và chiếm đoạt của bà T 630.000.000 đồng, chiếm đoạt của anh T1 150.000.000 đồng. Ngoài ra, Mai Nữ

Hoàng A và Lê A T còn lừa bán cho anh T1 xe ô tô Mazda (trước đó vợ chồng Hoàng A đã thế chấp xe ô tô này vay Ngân hàng VIB) để chiếm đoạt của anh T1 340.000.000đồng. Tổng cộng Mai Nữ Hoàng A đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền 1.120.000.000đồng; Lê T A là đồng phạm giúp sức cho Mai Nữ Hoàng A chiếm đoạt của các bị hại số tiền 750.000.000đồng. Do có hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Mai Nữ Hoàng A phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự, tuyên bố Lê A T phạm vào “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hai bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa 02 bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại là bà Nguyễn Thị Thuý số tiền 465.000.000đồng và được bà T làm Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị hại Phạm Chí T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về quyết định hình phạt: Khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định xử phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân đối với hành vi chiếm đoạt số tiền từ 500.000.000 đồng trở lên. Mai Nữ Hoàng A đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.120.000.000đồng, Lê T A là đồng phạm giúp sức cho Mai Nữ Hoàng A lừa đảo chiếm đoạt số tiền 750.000.000 đồng nên mức hình phạt về “*Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Mai Nữ Hoàng A 15 năm tù, Lê A T 13 năm tù là không nặng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự về “*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định xử phạt tù từ 3 năm đến 7 năm đối với người: “*b) sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*” do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Mai Nữ Hoàng A, Lê A T mỗi bị cáo 03 năm tù về tội này không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo kháng cáo, nhưng Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo chưa bồi thường thêm cho người bị hại, cũng như không có tình tiết mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm; các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 60/2022/HS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Nữ Hoàng A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Bị cáo Lê A T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu, giả của cơ quan, tổ chức*”

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Bị cáo **Mai Nữ Hoàng A** 15 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Mai Nữ Hoàng A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **18** (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Bị cáo Lê A T 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo **Lê A T** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **16** (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/10/2021.

Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Mai Nữ Hoàng A, Lê A T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Đặng Kim Nhân**